

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1876 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển hệ thống tổ chức
kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật
ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa
ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6
năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ
Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển
đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban
Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển đất nước;

Căn cứ Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư
về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030
và những năm tiếp theo;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ, được sửa đổi, bổ sung, cập nhật tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14
tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính
trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi
số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia giai đoạn 2026 - 2035;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 186/TTr-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia là thành phần cốt lõi của hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI). Việc phát triển hệ thống này là nhiệm vụ nền tảng, lâu dài nhằm nâng cao năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia; phục vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế; giảm chi phí tuân thủ, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc gia.

2. Trọng tâm là kiện toàn, nâng cấp, hiện đại hóa và phát triển năng lực của các tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hiện có để đáp ứng yêu cầu tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia.

3. Việc kiện toàn, nâng cấp, hiện đại hóa và phát triển năng lực của các tổ chức kỹ thuật hiện có phải có trọng tâm, trọng điểm; căn cứ nhu cầu quản lý nhà nước, khoảng trống giữa năng lực kỹ thuật hiện có và nhu cầu phát triển của ngành, lĩnh vực, yêu cầu hội nhập quốc tế và hiệu quả đầu tư. Tiêu chí lựa chọn tổ chức, lĩnh vực ưu tiên và lộ trình thực hiện phải được xác định rõ theo từng giai đoạn, bảo đảm không đầu tư dàn trải, trùng lặp và không mở rộng phạm vi Đề án thành nhiệm vụ đầu tư đồng thời toàn bộ mạng lưới tổ chức kỹ thuật cấp vùng, cấp tỉnh hoặc cấp địa phương.

4. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, định hướng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tập trung đầu tư đối với các năng lực kỹ thuật cốt lõi, thiết yếu trong hạ

tăng chất lượng quốc gia; thúc đẩy xã hội hóa, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp trong nước và quốc tế. Lấy doanh nghiệp, người dân và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội làm trung tâm; ưu tiên các năng lực kỹ thuật phục vụ phát triển các công nghệ cao, công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược, ngành hàng xuất khẩu chủ lực và lĩnh vực có tác động lớn đến năng suất, chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

5. Tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cấp quốc gia ưu tiên thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật công ích được giao hoặc đặt hàng phục vụ quản lý nhà nước, lợi ích công cộng; không tạo độc quyền trong cung ứng dịch vụ trên thị trường, không tạo xung đột lợi ích trong tổ chức và hoạt động của hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, hệ thống các tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cấp quốc gia được kiện toàn, nâng cấp và phát triển trên cơ sở các tổ chức hiện có, có năng lực kỹ thuật cốt lõi, đồng bộ, liên thông, hiện đại và từng bước được quốc tế thừa nhận trong các lĩnh vực tiêu chuẩn hóa, đo lường, công nhận, đánh giá sự phù hợp, năng suất và chất lượng. Hệ thống đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược và dự án quan trọng quốc gia; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy xuất khẩu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Đối với tổ chức công nhận quốc gia

- Kiện toàn 01 tổ chức công nhận quốc gia có mô hình quản trị, năng lực chuyên môn, đội ngũ chuyên gia và hạ tầng số đáp ứng tiêu chuẩn ISO/IEC 17011, yêu cầu của cơ chế công nhận khu vực và quốc tế.

- Mở rộng phạm vi công nhận được thừa nhận quốc tế đối với các chương trình mới, ưu tiên các chương trình công nhận đối với chứng nhận hệ thống quản lý trí tuệ nhân tạo, thẩm định và kiểm định khí nhà kính, xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận, chứng nhận Halal.

- Bảo đảm 100% chuyên gia tham gia hoạt động đánh giá được đào tạo, cập nhật kiến thức theo tiêu chuẩn, chuẩn mực và hướng dẫn quốc tế có liên quan; phát triển đội ngũ chuyên gia kỹ thuật trong các lĩnh vực mới và mô hình đánh giá sự phù hợp mới.

- Áp dụng phương pháp đánh giá, phân loại mức độ rủi ro trong hoạt động công nhận để xác định phạm vi, nội dung, tần suất đánh giá và giám sát

sau công nhận.

- Số hóa 100% quy trình công nhận; hoàn thiện cơ sở dữ liệu công nhận và kết nối với cơ sở dữ liệu dùng chung về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; từng bước áp dụng chứng chỉ công nhận điện tử ở dạng dữ liệu có cấu trúc, máy đọc được.

b) Đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp quốc gia

- Kiện toàn, nâng cấp tối thiểu 03 tổ chức thử nghiệm, 01 tổ chức chứng nhận và 01 tổ chức giám định hiện có đáp ứng yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp quốc gia, có khả năng phục vụ dùng chung cho nhiều ngành, lĩnh vực.

- Bảo đảm 100% phạm vi hoạt động thuộc các chương trình đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp quốc gia được công nhận và duy trì công nhận theo tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế tương ứng, trừ trường hợp pháp luật hoặc chuẩn mực quốc tế có quy định khác.

- Phát triển năng lực thử nghiệm, chứng nhận, giám định đối với các lĩnh vực ưu tiên, công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, ngành hàng xuất khẩu chủ lực và sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, rủi ro cao.

- Thiết lập và vận hành cơ chế nhận diện, đánh giá, quản lý rủi ro kỹ thuật; nâng cao mức độ thừa nhận trong nước và quốc tế đối với kết quả thử nghiệm, chứng nhận, giám định.

- Số hóa 100% quy trình thử nghiệm, chứng nhận, giám định; hình thành cơ sở dữ liệu kết quả kỹ thuật và triển khai chứng chỉ điện tử ở dạng dữ liệu có cấu trúc, máy đọc được, kết nối với cơ sở dữ liệu dùng chung.

c) Đối với tổ chức đo lường cấp quốc gia

- Kiện toàn, nâng cấp 01 tổ chức đo lường cấp quốc gia, giữ vai trò nòng cốt trong duy trì, dẫn xuất và bảo đảm truy xuất chuẩn đo lường quốc gia; phục vụ quản lý nhà nước, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế.

- Duy trì, phát triển hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; mở rộng tối thiểu 50 CMC (khả năng đo lường và hiệu chuẩn) được quốc tế thừa nhận trong khuôn khổ CIPM MRA, ưu tiên các CMC phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược và xuất khẩu các sản phẩm chủ lực; làm chủ một số phép đo tiên tiến, phép đo có độ chính xác cao và năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm mà trong nước còn thiếu.

- Sản xuất và cung cấp tối thiểu 30 loại mẫu chuẩn được chứng nhận; tổ chức tối thiểu 100 chương trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng hằng năm trong các lĩnh vực ưu tiên.

- Hình thành năng lực thử nghiệm mẫu phương tiện đo theo khuyến nghị OIML và phấn đấu được thừa nhận là cơ quan cấp chứng chỉ đối với ít nhất 01 nhóm phương tiện đo; quản lý số 100% dữ liệu kiểm định, hiệu chuẩn, thử

nghiệm và từng bước áp dụng chứng chỉ điện tử.

d) Đối với tổ chức năng suất quốc gia

- Kiện toàn, nâng cấp tổ chức năng suất hiện có đáp ứng yêu cầu tổ chức năng suất quốc gia, có năng lực nghiên cứu, đo lường, phân tích năng suất và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Phát triển, thúc đẩy áp dụng rộng rãi các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ và mô hình năng suất xanh, năng suất số, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và chuyển đổi năng lượng, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành hàng xuất khẩu chủ lực, công nghiệp nền tảng và công nghệ chiến lược.

- Hình thành đội ngũ, mạng lưới chuyên gia năng suất, chất lượng có năng lực tư vấn, đào tạo và triển khai các mô hình cải tiến gắn với tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số.

- Phát triển nền tảng tư vấn năng suất trực tuyến và cơ sở dữ liệu năng suất ngành, doanh nghiệp, kết nối với nền tảng và cơ sở dữ liệu dùng chung về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

đ) Đối với năng lực tiêu chuẩn hóa quốc gia

- Củng cố năng lực tiêu chuẩn hóa quốc gia của các cơ quan, tổ chức hiện có, bảo đảm thực hiện hiệu quả vai trò đầu mối quốc gia về tiêu chuẩn hóa và đại diện Việt Nam tham gia các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực.

- Đến năm 2030, tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt tối thiểu 75%; xây dựng, công bố khoảng 100 tiêu chuẩn quốc gia phục vụ các nhóm công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Kiện toàn hệ thống ban kỹ thuật, tiểu ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia theo hướng chuyên ngành; bảo đảm các nhóm công nghệ chiến lược có ban kỹ thuật hoặc tiểu ban kỹ thuật phù hợp; đào tạo, phát triển tối thiểu 300 chuyên gia tiêu chuẩn hóa đủ năng lực tham gia hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế.

- Nâng cao mức độ tham gia và vai trò của Việt Nam tại các ban kỹ thuật, tiểu ban kỹ thuật, nhóm công tác quốc tế; phấn đấu đảm nhận vị trí chủ trì hoặc thư ký tại một số lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh.

- Số hóa toàn bộ quy trình xây dựng, thẩm định, công bố và phổ biến tiêu chuẩn quốc gia; nâng cấp hạ tầng thông tin, thư viện tiêu chuẩn và hệ thống TBT; đến năm 2030, chuyển tối thiểu 50% tiêu chuẩn quốc gia thuộc danh mục ưu tiên sang định dạng tiêu chuẩn thông minh (SMART Standards).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và cơ chế phát triển hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, công nhận và đánh giá sự phù hợp, bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc phát triển hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia theo hướng hiện đại, thống nhất, liên thông và hội nhập quốc tế.

b) Xây dựng danh mục tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia và năng lực kỹ thuật cốt lõi cần ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn, trên cơ sở vị trí, vai trò trong chuỗi giá trị của hạ tầng chất lượng quốc gia, nhu cầu quản lý nhà nước, yêu cầu của thị trường và khả năng phục vụ dùng chung liên ngành; ưu tiên các năng lực kỹ thuật phục vụ công nghệ chiến lược, ngành hàng xuất khẩu chủ lực, sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, rủi ro cao.

c) Rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia đến năm 2030, xây dựng tầm nhìn đến năm 2035 và các kế hoạch có liên quan để kịp thời cập nhật yêu cầu về năng lực đo lường phát sinh từ danh mục công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược và các dự án quan trọng quốc gia theo từng thời kỳ.

d) Có kế hoạch bảo đảm mỗi nhiệm vụ, dự án đầu tư phát triển năng lực đo lường, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm mới phải kèm theo phương án bảo đảm kinh phí vận hành, bảo trì, hiệu chuẩn định kỳ, tham gia so sánh quốc tế và duy trì điều kiện môi trường phòng thí nghiệm.

2. Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI)

a) Phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phương pháp thử phục vụ hoạt động của tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia

- Rà soát, xây dựng và định kỳ cập nhật danh mục tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và phương pháp thử cần ưu tiên xây dựng, sửa đổi để phục vụ trực tiếp hoạt động của các tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia; bảo đảm mỗi năng lực kỹ thuật được đầu tư đều có phương pháp thử, quy trình kiểm định, hiệu chuẩn tương ứng được ban hành, công bố trước hoặc đồng thời với thời điểm đưa năng lực đó vào khai thác.

- Ưu tiên phát triển tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phương pháp thử cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, rào cản kỹ thuật cao hoặc cần thiết để phục vụ quản lý nhà nước, xuất khẩu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cùng cố hệ thống ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; tăng cường huy động chuyên gia từ bộ, ngành, viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội và doanh nghiệp tham gia xây dựng tiêu chuẩn và phương pháp thử phục vụ trực tiếp

hoạt động của các tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia; phối hợp đề xuất xây dựng, hoàn thiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo thẩm quyền.

- Bảo đảm sự liên thông, đồng bộ giữa danh mục tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và phương pháp thử với danh mục, lộ trình tiêu chuẩn phục vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược do các bộ, ngành đề xuất theo hướng dẫn của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, tránh trùng lặp, chồng chéo trong tổ chức thực hiện.

b) Hoàn thiện hạ tầng đo lường, kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm quốc gia

- Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; ưu tiên đầu tư các chuẩn nền tảng và các phép đo tiên tiến còn thiếu, bảo đảm các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm cấp quốc gia có đủ năng lực kỹ thuật làm đầu mối phục vụ toàn hệ thống.

- Tập trung nguồn lực thực hiện chỉ tiêu về tăng số lượng CMC (khả năng đo lường và hiệu chuẩn được quốc tế thừa nhận); tăng cường tham gia so sánh quốc tế; hỗ trợ kỹ thuật cho các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về đo lường để bảo đảm kết quả được quốc tế thừa nhận.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo hướng dùng chung trong phạm vi các tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia; ưu tiên đầu tư tập trung đối với năng lực kỹ thuật cốt lõi, có cơ chế đánh giá hiệu quả khai thác thiết bị, tránh đầu tư trùng lặp, phân tán, kém hiệu quả.

c) Nâng cao năng lực tổ chức công nhận quốc gia và tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc gia

- Củng cố và nâng cao năng lực của tổ chức công nhận quốc gia theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17011 và các hướng dẫn quốc tế có liên quan; phát triển đội ngũ chuyên gia đánh giá trưởng, chuyên gia kỹ thuật có năng lực chuyên môn phù hợp với từng lĩnh vực công nhận, nhất là các lĩnh vực mới, lĩnh vực công nghệ ưu tiên; mở rộng chương trình công nhận đối với các lĩnh vực và mô hình đánh giá sự phù hợp mới.

- Nâng cấp, phát triển năng lực của các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận, giám định cấp quốc gia trong các lĩnh vực ưu tiên như viễn thông thế hệ mới, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số, bán dẫn, nông nghiệp công nghệ cao, an toàn thực phẩm, dữ liệu, truy xuất nguồn gốc, tăng trưởng xanh, carbon và sản phẩm công nghệ số trọng điểm; phát triển năng lực chuyên gia phục vụ đánh giá sự phù hợp đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) theo các tiêu chuẩn, hướng dẫn quốc tế có liên quan, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và yêu cầu của các thị trường xuất khẩu có quy định riêng về trí tuệ nhân tạo (AI).

- Nâng cao năng lực của các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận, giám định

cấp quốc gia theo các tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế tương ứng, làm cơ sở để triển khai các thỏa thuận thừa nhận song phương, đa phương.

d) Nâng cao năng lực tiêu chuẩn hóa quốc gia

- Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ và nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc gia theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

- củng cố hệ thống ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, đặc biệt là các ban kỹ thuật gắn với các nhóm công nghệ chiến lược; hoàn thiện cơ chế tài chính, chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc đối với thành viên ban kỹ thuật và chuyên gia tham gia hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế.

đ) Nâng cao năng lực tổ chức năng suất quốc gia

- Nâng cao năng lực của tổ chức năng suất quốc gia về nghiên cứu, đo lường và phân tích năng suất; phát triển bộ công cụ, mô hình cải tiến năng suất phù hợp với doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng, vận hành hệ thống chỉ tiêu và cơ sở dữ liệu năng suất ngành, doanh nghiệp phục vụ hoạch định chính sách.

- Phát triển mạng lưới chuyên gia năng suất, chất lượng theo chuẩn mực của Tổ chức Năng suất châu Á (APO); gắn kết hoạt động tư vấn năng suất với hoạt động tiêu chuẩn hóa, đo lường, đánh giá sự phù hợp và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng.

3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia

a) Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ chuyên gia tiêu chuẩn hóa, đo lường, thử nghiệm, chứng nhận, giám định, công nhận, năng suất, chất lượng; ưu tiên nhân lực trong các lĩnh vực mới, chuyên sâu và có yêu cầu hội nhập quốc tế cao. Đối với mỗi năng lực đo lường, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm mới phục vụ công nghệ chiến lược và dự án quan trọng quốc gia, xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ chuyên gia kỹ thuật đủ năng lực vận hành, bảo trì, khai thác thiết bị và tham gia so sánh quốc tế ngay từ giai đoạn đầu tư.

b) Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp để tận dụng nguồn lực chuyên gia, chương trình đào tạo, thiết bị và thực hành tốt quốc tế.

c) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế đào tạo, tuyển dụng, thu hút, sử dụng, trọng dụng và đãi ngộ phù hợp đối với chuyên gia kỹ thuật cao, chuyên gia đánh giá, chuyên gia kỹ thuật chủ chốt và nhân lực vận hành chuẩn đo lường quốc gia; nghiên cứu cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, khoán theo kết quả, huy động nguồn thu hợp pháp và chia sẻ rủi ro đối với lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật.

4. Tăng cường chuyển đổi số về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Xây dựng, hoàn thiện nền tảng số và cơ sở dữ liệu dùng chung về tiêu

chuẩn, đo lường, chất lượng, công nhận và đánh giá sự phù hợp phục vụ hoạt động của các tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia; bảo đảm thống nhất, liên thông, chia sẻ, khai thác hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước, hải quan, cơ quan kiểm tra chuyên ngành, hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các nền tảng chuyển đổi số quốc gia, phù hợp thông lệ quốc tế và cam kết quốc tế của Việt Nam.

b) Phát triển cơ chế tổng hợp, phân tích và cảnh báo về yêu cầu kỹ thuật, rào cản kỹ thuật trong thương mại, truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững và giảm phát thải tại các thị trường xuất khẩu để hỗ trợ hoạt động của các tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia và doanh nghiệp.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, truy xuất nguồn gốc, chữ ký số, chứng thư điện tử trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, chứng nhận, giám định và công nhận.

d) Nghiên cứu, từng bước áp dụng chứng chỉ hiệu chuẩn, thử nghiệm, chứng nhận, giám định, công nhận điện tử ở dạng dữ liệu có cấu trúc, máy đọc được; bảo đảm khả năng kết nối, tương thích kỹ thuật với hệ thống dữ liệu dùng chung, dữ liệu sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và dữ liệu phát thải carbon của các thị trường xuất khẩu trọng điểm.

đ) Áp dụng thống nhất các định dạng dữ liệu kỹ thuật đã được quốc tế thừa nhận trong lĩnh vực hạ tầng chất lượng số, trước hết là chứng chỉ hiệu chuẩn số (Digital Calibration Certificate - DCC) và hệ đơn vị quốc tế ở dạng số (Digital SI); ban hành hướng dẫn kỹ thuật và tổ chức thí điểm trước năm 2028, bảo đảm khả năng liên thông giữa các tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia và tương thích với hệ thống dữ liệu của các thị trường xuất khẩu trọng điểm.

e) Hiện đại hóa hệ thống quản lý, lưu trữ, phổ biến tiêu chuẩn và triển khai lộ trình chuyển đổi sang tiêu chuẩn thông minh, máy đọc được (SMART Standards).

5. Tăng cường hợp tác quốc tế và huy động nguồn lực

a) Chủ động tham gia, phát huy vai trò tại các tổ chức, diễn đàn và cơ chế khu vực, quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, công nhận, đánh giá sự phù hợp và năng suất; mở rộng hợp tác song phương, đa phương để nâng cao năng lực kỹ thuật và khả năng thừa nhận lẫn nhau.

b) Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư cho các tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia, nền tảng số dùng chung và nhiệm vụ kỹ thuật cấp bách, đặc thù; ưu tiên bố trí nguồn lực ban đầu cho lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ chiến lược có rủi ro kỹ thuật cao.

c) Tăng cường phối hợp liên ngành và liên kết giữa khu vực công với khu vực tư, giữa tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia với doanh nghiệp, hiệp hội, viện

nghiên cứu, trường đại học và cơ quan quản lý có liên quan; bảo đảm khai thác hiệu quả hạ tầng, dữ liệu, chuyên gia và năng lực đánh giá sự phù hợp.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và pháp luật có liên quan.

2. Tăng cường nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án và các chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, cộng đồng trong và ngoài nước cùng tham gia hỗ trợ, tài trợ kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

5. Việc bố trí kinh phí phải đồng bộ trong quá trình từ đầu tư đến bảo đảm kinh phí vận hành cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nguồn nhân lực cho hệ thống.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; bảo đảm việc kiện toàn, nâng cấp, phát triển năng lực của các tổ chức kỹ thuật hiện có để đáp ứng yêu cầu tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia được thực hiện đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với yêu cầu phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia và hội nhập quốc tế.

b) Chủ trì rà soát, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền danh mục tổ chức kỹ thuật hiện có được lựa chọn để kiện toàn, nâng cấp đáp ứng yêu cầu tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia; danh mục lĩnh vực, năng lực kỹ thuật cốt lõi và lộ trình ưu tiên theo từng giai đoạn. Việc lựa chọn phải căn cứ tiêu chí công khai về năng lực kỹ thuật, nhu cầu quản lý nhà nước, khoảng trống năng lực, khả năng phục vụ dùng chung, mức độ hội nhập quốc tế, hiệu quả đầu tư và khả năng bố trí nguồn lực.

c) Chủ trì xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai Đề án theo từng giai đoạn; xác định rõ danh mục nhiệm vụ ưu tiên, lộ trình thực hiện, cơ chế phối hợp và bộ chỉ tiêu theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

d) Chủ trì hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương phối hợp cung cấp thông tin về nhu cầu kỹ thuật; khai thác dịch vụ, kết nối dữ liệu và sử dụng chung hạ tầng của tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia theo quy định của pháp luật. Việc đầu tư, nâng cấp tổ chức kỹ thuật cấp vùng, cấp tỉnh hoặc cấp địa phương không

thuộc phạm vi của Đề án này.

đ) Chủ trì xây dựng, hoàn thiện và tổ chức vận hành cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức công nhận, tổ chức đánh giá sự phù hợp, cơ quan hải quan, cơ quan kiểm tra chuyên ngành, hệ thống truy xuất nguồn gốc và các bộ, ngành có liên quan.

e) Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo các chỉ tiêu đầu ra chủ yếu, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo đối với các vấn đề vượt thẩm quyền.

g) Chủ trì, chịu trách nhiệm đề xuất mức bố trí kinh phí cụ thể cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án; tổng hợp chung trong phương án dự toán lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Bộ Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước và đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính tổng hợp, cân đối nguồn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao và yêu cầu thực tiễn của ngành, lĩnh vực, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ khai thác năng lực dùng chung của các tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia; trường hợp phát triển tổ chức kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý thì thực hiện theo chương trình, kế hoạch riêng và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát nhu cầu quản lý ngành, lĩnh vực; xác định lĩnh vực ưu tiên; đề xuất danh mục nhiệm vụ phát triển năng lực kỹ thuật phục vụ thử nghiệm, chứng nhận, giám định; chia sẻ dữ liệu kỹ thuật, chuyên gia và kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định để phục vụ công tác quản lý nhà nước. Ưu tiên các nhiệm vụ liên quan đến công nghệ chiến lược, ngành hàng xuất khẩu chủ lực, lĩnh vực có rào cản kỹ thuật cao và lĩnh vực có nhu cầu đánh giá sự phù hợp tăng nhanh.

c) Chủ động huy động, bố trí nguồn lực hợp pháp để thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; phối hợp khai thác, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, chuyên gia và năng lực đánh giá sự phù hợp theo quy định pháp luật, bảo đảm hiệu quả và tránh đầu tư trùng lặp, phân tán.

d) Tổ chức rà soát, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phương pháp thử và yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành phục vụ hoạt động của các tổ chức kỹ thuật

cấp quốc gia; phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin về rào cản kỹ thuật trong thương mại, yêu cầu của thị trường xuất khẩu và yêu cầu kỹ thuật mới phát sinh.

đ) Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và định hướng của Đề án, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin nhu cầu kỹ thuật, khai thác dịch vụ kỹ thuật cấp quốc gia, kết nối dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước tại địa phương và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hiệp hội ngành hàng trên địa bàn theo quy định pháp luật.

b) Chủ động lồng ghép nhiệm vụ phối hợp, khai thác dịch vụ kỹ thuật cấp quốc gia với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương; việc đầu tư, nâng cấp tổ chức kỹ thuật tại địa phương, nếu có, thực hiện theo chương trình, kế hoạch, dự án hoặc cơ chế ngân sách khác theo quy định pháp luật.

c) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tiếp cận, sử dụng dịch vụ kỹ thuật cấp quốc gia; phối hợp trong chia sẻ dữ liệu, đào tạo, chuyển giao công nghệ và cung cấp thông tin về nhu cầu kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, chứng nhận, giám định phục vụ quản lý nhà nước và phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.

d) Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Các tổ chức kỹ thuật được lựa chọn để kiện toàn, nâng cấp đáp ứng yêu cầu tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia

a) Chủ động xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi số và mở rộng hợp tác quốc tế theo mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của doanh nghiệp.

b) Tăng cường phối hợp, liên kết, chia sẻ cơ sở vật chất, trang thiết bị, dữ liệu, phương pháp thử, chuyên gia kỹ thuật và kết quả kỹ thuật theo quy định của pháp luật; phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia và các mô hình dùng chung liên ngành.

c) Chủ động tham gia các chương trình đào tạo, so sánh liên phòng, thử nghiệm thành thạo, đánh giá đồng đẳng, hợp tác kỹ thuật và cơ chế thừa nhận khu vực, quốc tế nhằm nâng cao năng lực kỹ thuật, uy tín và khả năng được thừa nhận quốc tế của kết quả do Việt Nam cung cấp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị: TH, PL, TCCV, KTTH, CN, NN, NC, QHQT, QHĐP, CDS, CTTCP;
- Lưu: VT, KGVX (2).

12

